

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con
Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị
Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất
cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30/6/2009	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) đã được kiểm toán cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên HĐQT
Ông Mã Đức Tú	Thành viên HĐQT
Ông Võ Hữu Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Đào Việt Thắng	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Thành viên ban kiểm soát
Vũ Thị Thanh Quyên	Thành viên ban kiểm soát

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính đặt tại: 124 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 7, tòa nhà Simco, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội.
Chi nhánh SMC – An Lạc	548 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Bình Tân, Tp.HCM.

Công ty con

Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty Cổ phần Hải Việt	Lô số 47, Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Tp Hà Nội
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Các hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng, lắp đặt công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất; Lập dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà, mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm; Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa và xuất khẩu.

5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2009 và kết quả hoạt động của thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009 cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 30/6/2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 28.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009.

10. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động kinh doanh của nhóm Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

NGUYỄN NGỌC ANH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 25 tháng 7 năm 2009

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2009

Số: 066a/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**về báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC**

**Kính gửi : CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư – Thương mại SMC (“Công ty”) và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009 (từ trang 05 đến trang 28). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là nêu ý kiến nhận xét căn cứ vào kết quả kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo bản báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính vào ngày 30/6/2009 của Nhóm Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Giám đốc

Nguyễn Lương Nhân

Chứng chỉ KTV số: 0182/KTV

Nguyễn Văn Tuyên

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		908.882.480.300	549.159.222.469
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	147.124.648.614	180.889.165.564
1. Tiền	111		43.760.144.186	180.889.165.564
2. Các khoản tương đương tiền	112		103.364.504.428	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	133.884.031.184	10.723.809.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		139.751.610.507	19.797.183.595
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.867.579.323)	(9.073.374.595)
III. Các khoản phải thu	130	V.03	417.417.539.346	227.570.522.863
1. Phải thu khách hàng	131		367.600.460.906	209.923.533.073
2. Trả trước cho người bán	132		47.441.286.120	17.202.330.979
3. Các khoản phải thu khác	135		3.385.143.868	1.454.010.359
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.009.351.548)	(1.009.351.548)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	134.418.487.961	97.728.211.661
1. Hàng tồn kho	141		134.418.487.961	97.728.211.661
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	76.037.773.195	32.247.513.381
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		468.330.853	415.527.554
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.616.182.543	353.440.824
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		6.000.000	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		68.947.259.799	31.478.545.003
B. Tài sản dài hạn	200		219.993.866.735	202.101.697.902
II. Tài sản cố định	220		136.722.607.367	122.385.092.494
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	43.298.189.977	47.043.302.453
- Nguyên giá	222		62.701.463.102	62.905.180.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.403.273.125)	(15.861.877.817)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.07	24.691.683.502	27.322.901.502
- Nguyên giá	225		31.419.205.502	31.419.205.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.727.522.000)	(4.096.304.000)
3. TSCĐ vô hình	227	V.08	36.170.587.040	36.157.339.298
- Nguyên giá	228		36.479.329.970	36.426.475.314
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(308.742.930)	(269.136.016)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	32.562.146.848	11.861.549.241
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		69.733.643.100	65.682.243.100
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	5.209.131.100	5.209.131.100
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	80.542.207.200	76.490.807.200
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.12	(16.017.695.200)	(16.017.695.200)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.985.679.335	3.966.104.875
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	859.404.017	839.829.557
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	3.126.275.318	3.126.275.318
VI. Lợi thế thương mại	269	V.14	9.551.936.933	10.068.257.433
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.128.876.347.035	751.260.920.371

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		857.765.858.486	490.015.585.235
I. Nợ ngắn hạn	310		839.050.986.558	461.271.900.730
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	245.200.376.512	112.900.822.517
2. Phải trả người bán	312	V.15	280.502.882.261	292.814.513.224
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	306.401.022.752	50.291.760.708
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.17	3.466.440.979	2.408.317.403
5. Phải trả người lao động	315		750.025.273	1.213.570.336
6. Chi phí phải trả	316	V.18	1.293.025.256	1.549.512.490
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.19	1.437.213.525	93.404.052
II. Nợ dài hạn	330		18.714.871.928	28.743.684.505
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	18.679.794.344	28.660.846.844
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		35.077.584	82.837.661
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.21	268.973.880.262	259.285.958.955
I. Vốn chủ sở hữu	410		272.175.170.189	258.197.960.931
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		109.967.770.000	109.967.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.924.599.600	59.924.599.600
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(142.489.800)	(142.489.800)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.846.676.717	13.846.676.717
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.179.029.868	3.179.029.868
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		85.399.583.804	71.422.374.546
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		(3.201.289.927)	1.087.998.024
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(3.201.289.927)	1.087.998.024
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	V.22	2.136.608.287	1.959.376.181
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.128.876.347.035	751.260.920.371

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng - USD	698,407.17	1,872,571.99
6. Dự toán chi hoạt động	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

NGUYỄN VĂN LÂM
Kế toán trưởng
Ngày 25 tháng 7 năm 2009

NGUYỄN NGỌC ANH
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ ngày 01/01/2008 đến 30/6/2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.129.343.557.668	2.279.316.659.395
<i>Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu</i>			<i>25.757.107.867</i>	<i>18.672.529.078</i>
2. Các khoản giảm trừ	02		3.182.156.795	1.371.703.104
3. Doanh thu thuần	10	VI.23	2.126.161.400.873	2.277.944.956.291
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.24	2.066.183.465.432	2.195.443.062.010
5. Lợi nhuận gộp	20		59.977.935.441	82.501.894.281
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.25	7.375.423.281	3.253.198.921
7. Chi phí tài chính	22	VI.26	9.437.294.802	13.055.230.067
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>8.883.420.514</i>	<i>12.331.392.837</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.27	18.574.913.650	18.160.526.841
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.28	9.205.624.465	8.227.014.555
10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	30		30.135.525.805	46.312.321.739
11. Thu nhập khác	31	VI.29	2.007.513.438	1.328.419.099
12. Chi phí khác	32	VI.30	934.983.232	126.551.794
13. Lợi nhuận khác	40		1.072.530.206	1.201.867.305
14. Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.208.056.011	47.514.189.044
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	3.529.901.214	6.781.296.098
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		27.678.154.797	40.732.892.946
Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế phân bổ cho:				
19. Cổ đông thiểu số	61		177.232.106	-
20. Cổ đông Công ty mẹ	62		27.500.922.691	40.732.892.946
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.32	2.502	3.828

NGUYỄN VĂN LÂM

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 7 năm 2009

NGUYỄN NGỌC ANH

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

Đơn vị tính: VND

	<i>Mã số</i>	<i>Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009</i>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận trước thuế	01	31.208.056.011
Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao tài sản cố định	02	6.710.720.674
Các khoản dự phòng	03	(3.205.795.272)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(5.969.877.483)
Chi phí lãi vay	06	8.880.590.268
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	37.623.694.198
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(134.271.368.570)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(36.690.276.300)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	243.362.667.843
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	443.942.741
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.880.590.268)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.460.797.301)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.618.927.584)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	95.508.344.759
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(21.960.038.002)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(353.443.434.326)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	130.124.502.986
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.970.273.534
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(238.397.289.404)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	671.284.753.437
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(545.735.741.308)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(3.230.510.634)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(13.194.073.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	109.124.427.695
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(33.764.516.950)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	180.889.165.564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	147.124.648.614

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

NGUYỄN VĂN LÂM

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 7 năm 2009

NGUYỄN NGỌC ANH

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 5 ngày 14/3/2008

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 109.967.770.000 đồng.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 124 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh An Lạc.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có con dấu riêng; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và hạch toán phụ thuộc Công ty.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

4. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở);
- Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi;
- Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất;
- Lập dự án đầu tư xây dựng;
- Kinh doanh nhà;
- Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm;
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5. Tổng số các Công ty con: 04 Công ty.

6. Tổng số các Công ty liên doanh, liên kết: 02 Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***7. Danh sách các Công ty con và Công ty liên kết**

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh ích	Tỷ lệ lợi	Quyền biểu quyết	Tổng vốn điều lệ (đồng)
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%	50.000.000.000
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Hải Việt	Lô số 47, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp Hà Nội	Nuôi trồng thủy sản, sản xuất, thương mại và dịch vụ	60%	60%	5.200.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt (*)	147/6 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp.HCM	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	35%	35%	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Chiến Thắng	230 Bạch Đằng, Phường 24, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	39%	39%	8.800.000.000

(*) Tính đến thời điểm 30/6/2009, số vốn thực góp của Công ty vào Công ty Cổ phần SX - TM Vật tư Sao Việt là 1.750.000.000 đồng tương đương 17,5% tổng vốn điều lệ.

8. Tổng số công nhân viên: 248 người.**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chủ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Đầu tư vào Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

6. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh tại ngày giao dịch. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập Bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

7. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập sau xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

	Khấu hao đường thẳng
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10 năm
Máy móc thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất	39 năm
Phần mềm	02 - 03 năm

10. Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Máy móc thiết bị

Thời gian khấu hao

4 năm

11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty con được phân bổ trong thời gian 10 năm, bất lợi thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty con được ghi nhận vào thu nhập trên báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

13. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 20%, 3% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 18% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 7% sẽ được trích từ lương của người lao động.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

15. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

17. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Nhóm Công ty") có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang (nếu có). Nhóm Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC được miễn thuế trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2005) và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo. Bên cạnh đó, Công ty được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 2 năm 2009 và 2010 do có chứng khoán niêm yết lần đầu theo công văn số 10997/BTC-CST ngày 08/9/2006 của Bộ Tài Chính.

Công ty TNHH Thép SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh. Đối với hoạt động gia công, được miễn thuế 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 4 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm tài chính thứ hai Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động gia công.

Công ty Cổ phần Hải Việt được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm tài chính thứ hai Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tiền thuế đất được miễn 11 năm kể từ khi Dự án đi vào hoạt động.

Hiện tại, Nhóm Công ty đang được hưởng ưu đãi về thuế như đã đề cập ở trên. Số thuế phải nộp do Nhóm Công ty tự xác định sẽ được điều chỉnh lại khi có biên bản kiểm tra quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp từ cơ quan Thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền		30/6/2009	01/01/2009
Tiền mặt (VNĐ)		5.946.411.262	23.650.022.945
Tiền mặt (USD)		-	52.628.700
Tiền gửi ngân hàng (VNĐ)		25.762.134.754	149.670.945.927
Tiền gửi ngân hàng (USD)		12.051.598.170	7.515.567.992
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng		103.364.504.428	-
Cộng		147.124.648.614	180.889.165.564
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		30/6/2009	01/01/2009
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)		19.662.150.137	19.797.183.595
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng		120.089.460.370	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (**)		(5.867.579.323)	(9.073.374.595)
Cộng		133.884.031.184	10.723.809.000

(*) Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/6/2009

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng (**)	Giá trị thuần
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	3.000	358.000.000	166.000.000	192.000.000
Công ty CP XNK Thủ Đức	66.993	2.545.734.000	462.251.700	2.083.482.300
Trái phiếu CII	12	12.000.000	-	12.000.000
Công ty CP NXX Khánh Hội	8.000	169.600.000	-	169.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/6/2009 (tt)

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng (**)	Giá trị thuần
Công ty CP FBT	6.000	428.000.000	-	428.000.000
Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá sinh	15.000	223.500.000	-	223.500.000
Công ty CP Đại lý Hàng Hải	11.200	420.483.700	308.483.700	112.000.000
Ngân hàng CP Ngoại Thương	10.000	1.067.000.000	757.000.000	310.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương VN	179.253	3.590.060.000	-	3.590.060.000
Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.500	725.000.000	231.500.000	493.500.000
Công ty Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	632.908.200	-	632.908.200
Công ty Inlaco Sài Gòn	50.000	1.780.000.000	1.255.000.000	525.000.000
CN Công ty XD PTĐT Đà Lạt	20.000	338.000.000	-	338.000.000
Công ty CP Bảo hiểm Việt Nam	50.000	3.612.000.000	2.687.000.000	925.000.000
Công ty CP Khoáng sản Việt Nam	150.000	3.440.000.000	-	3.440.000.000
Các Công ty khác	13.026	319.864.237	343.923	319.520.314
Cộng		19.662.150.137	5.867.579.323	13.794.570.814

Trong 6 tháng đầu năm 2009, các khoản cổ tức được nhận từ một số chứng khoán đầu tư ngắn hạn là 324.396.800 đồng.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	30/6/2009	01/01/2009
Phải thu khách hàng	367.600.460.906	209.923.533.073
Trả trước cho người bán	(3.1) 47.441.286.120	17.202.330.979
Phải thu khác	(3.2) 3.385.143.868	1.454.010.359
Cộng	418.426.890.894	228.579.874.411
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.009.351.548)	(1.009.351.548)
Cộng	417.417.539.346	227.570.522.863

(3.1) Trong đó, khoản trả trước cho Công ty TNHH Thép Well Time là 298,000.00 USD tương đương 5.059.146.000 đồng và Công ty Yu Hong Steel Industrial là 282,000.00 USD tương đương 5.015.088.000 đồng.

(3.2) Bao gồm:	30/6/2009
- Lãi ký quỹ, tiền gửi phải thu	3.209.763.153
- Khoản tiền đặt cọc mua cổ phiếu	40.560.000
- Các khoản khác	134.820.715
Cộng	3.385.143.868

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Hàng tồn kho	30/6/2009	01/01/2009
Nguyên vật liệu	52.599.410	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.086.706.253	-
Thành phẩm tồn kho	2.509.004.186	-
Hàng hoá	121.770.178.112	97.728.211.661
Cộng	134.418.487.961	97.728.211.661
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	134.418.487.961	97.728.211.661

5. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2009	01/01/2009
Chi phí trả trước ngắn hạn	468.330.853	415.527.554
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	6.616.182.543	353.440.824
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	6.000.000	-
Các khoản tạm ứng	159.810.000	225.130.000
Ký quỹ thuê nhà (2,139.00 USD)	36.313.803	36.313.803
Ký quỹ mua hàng hóa (*)	68.751.135.996	31.217.101.200
Cộng	76.037.773.195	32.247.513.381

(*) Trong đó, các khoản ký quỹ có gốc ngoại tệ là 544,619.50 USD tương đương 9.454.446.179 đồng.

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	27.971.643.934	18.680.586.945	14.362.281.889	1.890.667.502	62.905.180.270
Mua mới	-	460.796.352		62.826.879	523.623.231
Đầu tư hoàn thành	682.962.508				682.962.508
Thanh lý		980.930.490	429.372.417		1.410.302.907
Số dư cuối kỳ	28.654.606.442	18.160.452.807	13.932.909.472	1.953.494.381	62.701.463.102
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5.919.927.886	3.558.644.395	5.411.096.340	972.209.196	15.861.877.817
Tăng	1.412.377.650	1.441.006.610	953.823.000	232.688.500	4.039.895.760
Thanh lý		398.483.684	100.016.768		498.500.452
Số dư cuối kỳ	7.332.305.536	4.601.167.321	6.264.902.572	1.204.897.696	19.403.273.125
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	22.051.716.048	15.121.942.550	8.951.185.549	918.458.306	47.043.302.453
Số dư cuối kỳ	21.322.300.906	13.559.285.486	7.668.006.900	748.596.685	43.298.189.977

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.785.811.802 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	31.419.205.502
Khấu hao phát sinh đầu năm	4.096.304.000
Khấu hao phát sinh trong kỳ	2.631.218.000
Khấu hao lũy kế đến 30/6/2009	6.727.522.000
Giá trị còn lại (30/6/2009)	24.691.683.502

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	36.307.112.754	119.362.560	36.426.475.314
Mua mới	-	52.854.656	52.854.656
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ (*)	36.307.112.754	172.217.216	36.479.329.970
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu kỳ	156.512.656	112.623.360	269.136.016
Tăng	33.862.914	5.744.000	39.606.914
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	190.375.570	118.367.360	308.742.930
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	36.150.600.098	6.739.200	36.157.339.298
Số dư cuối kỳ	36.116.737.184	53.849.856	36.170.587.040

Nguyên giá phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 105.884.160 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM trị giá 33.607.900.000 đồng; và quyền sử dụng đất có thời hạn 42 năm (đến tháng 11 năm 2046) tại Khu Công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương trị giá 2.349.927.620 đồng, quyền sử dụng đất (chi phí đến bù) có thời hạn đến tháng 7/2052 tại Khu Công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc (nay là Thành phố Hà Nội) trị giá 349.285.134 đồng.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2009	01/01/2009
- Mua sắm TSCĐ	3.987.650.043	1.280.257.090
- XDCB dở dang (*)	28.574.496.805	10.581.292.151
Cộng	32.562.146.848	11.861.549.241

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Chi tiết các công trình xây dựng dở dang:		30/6/2009	01/01/2009
Công trình nhà kho Đồng An - Bình Dương		4.787.865.628	452.501.895
Hệ thống cầu trục tại Đồng An - Bình Dương		215.238.095	215.238.095
Công trình văn phòng tại 396 Ung Văn Khiêm		19.144.283.621	6.868.010.909
Phí tư vấn xây dựng nhà máy Cơ Khí - Thép SMC		1.978.879.859	387.264.000
Chi phí lãi vay được vốn hóa tài sản cố định		1.726.875.372	1.440.875.371
Công trình xây dựng bờ tường, trục mương		-	682.962.508
Công trình khác		721.354.230	534.439.373
Cộng		28.574.496.805	10.581.292.151
10. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh		30/6/2009	01/01/2009
Công ty cổ phần Cơ khí Chiến Thắng (10.1)		3.459.131.100	3.459.131.100
Công ty cổ phần SX - TM Vật Tư Sao Việt (10.2)		1.750.000.000	1.750.000.000
Cộng		5.209.131.100	5.209.131.100
(10.1) Là khoản vốn góp vào Công ty cổ phần Cơ khí Chiến Thắng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004376 ngày 27/02/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với tỷ lệ đăng ký vốn sở hữu của Công ty là 14,13% tương đương 1.243.760.000 đồng. Tính đến thời điểm 30/6/2009, số vốn thực góp của Công ty là 3.459.131.100 đồng tương đương 39,3% vốn điều lệ (tổng vốn điều lệ: 8,8 tỷ đồng).			
(10.2) Đầu tư dài hạn mua 175.000 cổ phần Công ty cổ phần SX - TM Vật Tư Sao Việt với giá mua 10.000 đồng/cổ phần. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010318 ngày 16/5/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, tỷ lệ đăng ký vốn sở hữu của Công ty là 35% tương đương 3,5 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/6/2009, số vốn thực góp của Công ty là 1.750.000.000 đồng tương đương 17,5% vốn điều lệ (tổng vốn điều lệ: 10 tỷ đồng).			
Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức, lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư vào 2 Công ty nêu trên.			
11. Chi phí trả trước dài hạn		30/6/2009	01/01/2009
Phí hạ tầng KCN trả trước		813.550.955	823.672.003
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		4.545.454	16.157.554
Chi phí chờ phân bổ khác		41.307.608	-
Cộng		859.404.017	839.829.557
12. Đầu tư dài hạn khác		30/6/2009	01/01/2009
Đầu tư dài hạn khác		80.542.207.200	76.490.807.200
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn		(16.017.695.200)	(16.017.695.200)
Cộng	(12.1)	64.524.512.000	60.473.112.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(12.1) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 30/6/2009

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Công ty Cổ phần Thép - Thép Việt	1.400.000	38.500.000.000	10.500.000.000	28.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nam Khang	450.000	9.875.000.000	1.325.000.000	8.550.000.000
Công ty Cổ phần Thép Biên Hoà	420.596	12.175.807.200	2.922.695.200	9.253.112.000
Công ty Cổ phần Bê tông 620 Long An (*)	50.000	500.000.000	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	100.000	2.720.000.000	1.270.000.000	1.450.000.000
Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất	1.221.000	12.210.000.000	-	12.210.000.000
NH TMCP Công Thương Việt Nam	200.000	4.051.400.000	-	4.051.400.000
Nhà Máy Cơ Khí Luyện Kim	30.000	510.000.000	-	510.000.000
Cộng		80.542.207.200	16.017.695.200	64.524.512.000

(*) Trong 6 tháng đầu năm 2009, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông 620 Long An với số tiền là 25.000.000 đồng.

13. Tài sản dài hạn khác	30/6/2009	01/01/2009
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	1.908.888.800	1.908.888.800
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	1.217.386.518	1.217.386.518
Cộng	3.126.275.318	3.126.275.318

14. Lợi thế thương mại	30/6/2009	01/01/2009
Giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Hải Việt chờ phân bổ	9.551.936.933	10.068.257.433

15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	30/6/2009	01/01/2009
Phải trả người bán	280.502.882.261	292.814.513.224
Người mua trả tiền trước	306.401.022.752	50.291.760.708
Cộng	586.903.905.013	343.106.273.932

16. Vay và nợ ngắn hạn	30/6/2009	01/01/2009
Vay ngắn hạn	177.295.165.475	43.214.497.000
Vay cá nhân	64.052.766.000	62.603.369.846
Vay dài hạn đến hạn trả	(20*) 3.852.445.037	7.082.955.671
Cộng	(*) 245.200.376.512	112.900.822.517

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Chi tiết các khoản nợ vay ngắn hạn

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
NH Công Thương - SGD II	43.214.497.000	391.259.361.331	332.178.692.856	102.295.165.475
NH TNHH MTV HSBC	-	157.770.833.810	112.770.833.810	45.000.000.000
NH TMCP XNK Việt Nam	-	50.000.000.000	20.000.000.000	30.000.000.000
NH Nno & PTNT - KCN Tân Thành	-	38.800.000.000	38.800.000.000	-
NH ĐT & PT Việt Nam - CN Phú Mỹ	-	15.884.558.296	15.884.558.296	-
Vay cá nhân	62.603.369.846	17.570.000.000	16.120.603.846	64.052.766.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (20*)	7.082.955.671	-	3.230.510.634	3.852.445.037
Cộng	112.900.822.517	671.284.753.437	538.985.199.442	245.200.376.512

Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Sở Giao dịch II bao gồm:

- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC theo hợp đồng vay ngắn hạn số 09.671001/HĐTDHM ngày 09/01/2009 và hợp đồng tín dụng bổ sung đến lần thứ 3 số 09.671001-03/HĐTDBS ngày 15/5/2009 với hạn mức tín dụng là 212 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến thời điểm 30/6/2009 là 97.295.165.475 đồng bao gồm 59,781.25 USD tương đương 1.013.471.531 đồng và 96.279.037.189 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ số 124 Ung Văn Khiêm, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM do bà Nguyễn Cẩm Hà đứng tên chủ sở hữu; quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại địa chỉ số 5B Phan Bội Châu, P.2, Bình Thạnh, Tp.HCM và số 147/6 Ung Văn Khiêm, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM do bà Nguyễn Thị Ngọc Loan đứng tên chủ sở hữu.

- Và khoản vay tại Công ty TNHH Thép SMC theo hợp đồng tín dụng số 09.673.001/HĐTDHM ngày 15/4/2009 với hạn mức tín dụng 35 tỷ đồng, lãi suất 9,5 %/năm. Số dư nợ vay đến thời điểm 30/6/2009 là 5 tỷ đồng.

Khoản vay Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC theo từng giấy nhận nợ, lãi suất 9,15 %/năm. Số dư nợ vay đến thời điểm 30/6/2009 là 45 tỷ đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) theo hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-200900813 ngày 05/3/2009 với hạn mức tín dụng 30 tỷ đồng, lãi suất từ 9,6%/năm đến 10,5%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2009 là 30 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất số T00213/CN/05 tại KCN Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC.

Các khoản vay cá nhân được thực hiện theo từng biên bản thỏa thuận với thời hạn 01 năm, lãi suất huy động từ 0,75 %/tháng - 1,053 %/tháng, tiền lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/6/2009	01/01/2009
Thuế nhập khẩu	373.935.374	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.065.213.056	1.669.249.703
Thuế thu nhập cá nhân	26.892.549	739.067.700
Phí, lệ phí	400.000	-
Cộng	3.466.440.979	2.408.317.403

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Chi phí phải trả	30/6/2009	01/01/2009
Chi phí lãi vay phải trả	-	216.487.234
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả tạm tính	1.293.025.256	1.293.025.256
Chi phí phải trả khác	-	40.000.000
Cộng	1.293.025.256	1.549.512.490
19. Các khoản phải trả, phải nộp khác	30/6/2009	01/01/2009
Kinh phí công đoàn	164.326.200	54.595.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BHTN phải trả	84.266.684	13.220.361
Doanh thu chưa thực hiện	1.817.730	15.909.092
Phải trả liên quan đến việc huy động vốn tại Công ty Cổ phần Hải Việt (không lãi suất)	1.177.000.000	-
Phải trả khác	9.802.911	9.679.599
Cộng	1.437.213.525	93.404.052
20. Vay và nợ dài hạn	30/6/2009	01/01/2009
Vay dài hạn ngân hàng (20.1)	-	10.000.000.000
Nợ dài hạn (20.2)	22.532.239.381	25.743.802.515
Cộng	22.532.239.381	35.743.802.515
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(3.852.445.037)	(7.082.955.671)
Cộng	18.679.794.344	28.660.846.844

(20.1) Chi tiết vay dài hạn ngân hàng:

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
NH TMCP Sài Gòn Công Thương	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Cộng	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-

(20.2) Bao gồm các khoản nợ dài hạn phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính với:

Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	12.027.389.086
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	10.504.850.295
Cộng	22.532.239.381

Tài sản thuê tài chính đã được Công ty chuyển nhượng cho Công ty TNHH Thép SMC với giá chuyển nhượng bằng giá vốn. Các khoản nợ dài hạn liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính đến hạn trả là 3.852.445.037 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

21. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
Nguồn vốn kinh doanh	109.967.770.000	-	-	109.967.770.000
Thặng dư vốn cổ phần	59.924.599.600	-	-	59.924.599.600
Cổ phiếu quỹ	(142.489.800)	-	-	(142.489.800)
Quỹ đầu tư phát triển	13.846.676.717	-	-	13.846.676.717
Quỹ dự phòng tài chính	3.179.029.868	-	-	3.179.029.868
Lợi nhuận chưa phân phối	71.422.374.546	27.500.922.691	13.523.713.433	85.399.583.804
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.087.998.024	-	4.289.287.951	(3.201.289.927)
Cộng	259.285.958.955	27.500.922.691	17.813.001.384	268.973.880.262

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Vốn góp thực tế	
	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần
Cổ đông				
Nhóm cổ đông trong nước	109.967.770.000	10.996.777	94.888.370.000	9.488.837
Nhóm cổ đông ngoài nước		-	15.079.400.000	1.507.940
Cộng	109.967.770.000	10.996.777	109.967.770.000	10.996.777
Cổ phiếu quỹ	-	-	(142.489.800)	(6.718)
Cộng	109.967.770.000	10.996.777	109.825.280.200	10.990.059

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2009	71.422.374.546
Lợi nhuận sau thuế phát sinh 6 tháng đầu năm 2009	27.500.922.691
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	(329.639.633)
Trả cổ tức năm 2008	(4.396.023.600)
Trả cổ tức năm 2009	(8.798.050.200)
Lợi nhuận lũy kế đến 30/6/2009	85.399.583.804

22. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích cổ đông thiểu số đầu tư vào Công ty Cổ phần Hải Việt

30/6/2009

01/01/2009

2.136.608.287

1.959.376.181

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ ngày 01/01/2008 đến 30/6/2008
23. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.129.343.557.668	2.279.316.659.395
Hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán	(3.182.156.795)	(1.371.703.104)
Cộng	(*) 2.126.161.400.873	2.277.944.956.291
(*) Bao gồm:		
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	2.125.198.878.769	
Doanh thu cung cấp dịch vụ (chủ yếu là dịch vụ cho thuê kho và dịch vụ lắp ráp)	962.522.104	
Cộng	2.126.161.400.873	
24. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn sản phẩm thép các loại xuất bán trong năm và giá vốn dịch vụ	2.066.183.465.432	2.195.443.062.010
25. Doanh thu hoạt động tài chính		
(*) Bao gồm:		
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.135.609.584	
Thu lãi ký quỹ	2.345.923.400	
Cổ tức được chia, lợi nhuận được chia	349.396.800	
Lãi do chênh lệch tỷ giá	1.405.119.747	
Lãi cho vay	139.343.750	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	30.000	
Cộng	7.375.423.281	3.253.198.921
26. Chi phí hoạt động tài chính		
(*) Bao gồm:		
Chi phí lãi vay	8.883.420.514	
Lỗ bán chứng khoán	2.014.399.458	
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(3.205.795.272)	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.692.492.325	
Chi phí tài chính khác	52.777.777	
Cộng	9.437.294.802	13.055.230.067

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ ngày 01/01/2008 đến 30/6/2008
27. Chi phí bán hàng	(*) 18.574.913.650	18.160.526.841
(*) Bao gồm:		
Chi phí nhân viên	5.487.403.088	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	5.328.061	
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.199.960.810	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.583.747.411	
Chi phí khác bằng tiền	1.298.474.280	
Cộng	18.574.913.650	
28. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(*) 9.205.624.465	8.227.014.555
(*) Bao gồm:		
Chi phí nhân viên quản lý	3.120.656.497	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	44.734.234	
Chi phí khấu hao	871.615.064	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.467.136.580	
Thuế, phí và lệ phí	8.153.000	
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	516.320.500	
Chi phí khác bằng tiền	1.177.008.590	
Cộng	9.205.624.465	
29. Thu nhập khác	(*) 2.007.513.438	1.328.419.099
(*) Bao gồm:		
Thuế TNDN được miễn của quý IV/2008	397.948.889	
Thu nhập do hỗ trợ phí bảo lãnh	363.333.333	
Thu nhập bán phế liệu	23.927.641	
Thu lãi quá hạn	291.195.420	
Thu nhập tài sản thanh lý, nhượng bán	911.406.404	
Thu từ hoạt động khác	19.701.751	
Cộng	2.007.513.438	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ ngày 01/01/2008 đến 30/6/2008
30. Chi phí khác	(*) 934.983.232	126.551.794
(*) Bao gồm:		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán	911.802.455	
Chi phí khác	23.180.777	
Cộng	934.983.232	
	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ ngày 01/01/2008 đến 30/6/2008
31. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	(*) 3.529.901.214	6.781.296.098
(*) Bao gồm:		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	31.208.056.011	
Cộng chi phí không hợp lý	21.775.542	
Cộng lỗ hoạt động gia công 6 tháng đầu năm 2009	1.156.004.284	
Cộng lỗ chưa thực hiện năm 2008	1.546.162.934	
Trừ lỗ chưa thực hiện 6 tháng đầu năm 2009	(466.096.900)	
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	(349.396.800)	
Trừ TNDN được giảm của quý IV năm 2008	(397.948.889)	
Cộng phân bổ lợi thế thương mại khi hợp nhất	516.320.500	
Thu nhập chịu thuế	33.234.876.682	
Thuế suất	25%	
Thuế TNDN ước tính	8.308.719.171	
Thuế TNDN được giảm tạm tính	(4.778.817.957)	
Thuế TNDN phải nộp ước tính	3.529.901.214	
	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009	Từ ngày 01/01/2008 đến 30/6/2008
32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(*) 2.502	3.828
(*) Bao gồm:		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.500.922.691	
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.500.922.691	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.990.059	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.502	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

NGUYỄN VĂN LÂM

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 7 năm 2009

NGUYỄN NGỌC ANH

Tổng Giám đốc